

PHÒNG KHẢO BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104121

Mã lớp học phần: 25111MH110412101 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT		8,5	Tám, năm	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT		8,0	Tám	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT		9,5	Chín, năm	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001	C26KT		9,0	Chín	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT		8,0	Tám	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT		8,0	Tám	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT		6,0	Sáu	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT		6,0	Sáu	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT		7,0	Bảy	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT		3,0	Ba	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006	C26KT		5,0	Năm	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
13	2410110024	Đáy Minh	Như	13/07/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT		5,0	Năm	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT		3,0	Ba	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quỳnh	24/12/2006	C26KT		8,0	Tám	
17	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT		9,5	Chín, năm	
18	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT		8,0	Tám	
19	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	C26KT		8,5	Tám, năm	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT		8,0	Tám	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thùy	Tiên	28/10/2006	C26KT		7,0	Bảy	
22	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT		6,0	Sáu	
23	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT		9,0	Chín	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT		8,0	Tám	
25	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT		7,0	Bảy	
26	2410110003	Lê Duy	Trinh	24/7/2005	C26KT		9,0	Chín	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<i>Trúc</i>	5,0	Năm	
28	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>Buyen</i>	8,5	Trăm năm	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>Uyen</i>	5,0	Năm	
30	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>Vi</i>	6,0	Sau	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 30 vắng thi: 00. Số bài thi: 30 / 30.

Ngày: 16 tháng 9 năm 2025.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần

Trần Thị Hòa.

Ngày: 15 tháng 9 năm 2025.

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần

Trần Văn Long



Môn học : Kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104121

Mã lớp học phần: 25111MH110412101 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT		8,0	Tạm, không	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT		8,0	Tạm	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT		9,0	Chín	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001	C26KT		9,0	Chín	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT		8,0	Tạm	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT		8,0	Tạm	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT		8,0	Tạm	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT		8,0	Tạm	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT		7,0	Bảy	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT		6,0	Sáu	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006	C26KT		5,0	Năm	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT		6,0	Sáu	
13	2410110024	Đấy Minh	Như	13/07/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT		7,0	Bảy	
15	2410110028	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT		6,0	Sáu	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quỳnh	24/12/2006	C26KT		7,5	Bảy, năm	
17	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT		9,0	Chín	
18	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT		8,0	Tám	
19	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	C26KT		8,5	Tám, năm	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT		7,5	Bảy, năm	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
22	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT		5,0	Năm	
23	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT		8,0	Tám	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT		8,5	Tám, năm	
25	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT		4,0	Bốn	
26	2410110003	Lê Duy	Trinh	24/7/2005	C26KT		8,5	Tám, năm	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<i>Trúc</i>	5,0	Năm	
28	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>Tuyền</i>	8,0	Trăm	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>Uyên</i>	5,0	Năm	
30	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>Vi</i>	6,5	Sai, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 30 vắng thi: 00 Số bài thi: 30 / 30.

Ngày 16 tháng 10 năm 2025.

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hòa
Trần Thị Hòa.

Ngày 25 tháng 10 năm 2025.

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long
Trần Văn Long.

TRƯỜNG
PHÒNG
BẢO Đ.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104121

Giám thị 1: Lê Thành Huy

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25111MH110412101

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Dương Minh Tâm

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 14/11/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.7

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000		01	5,0	Năm	C26KT	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006		01	8,0	Tạm	C26KT	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996		01	9,5	Chín, năm	C26KT	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001		01	9,5	Chín, năm	C26KT	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004		01	8,0	Tạm	C26KT	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006		01	8,5	Tám, năm	C26KT	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006		01	6,0	Sáu	C26KT	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006		01	7,5	Bảy, năm	C26KT	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005					C26KT	✓
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006		01	4,0	Bốn	C26KT	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006		01	4,0	Bốn	C26KT	
12	2410110019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006		01	3,0	Ba	C26KT	
13	2410110024	Đáy Minh	Như	13/07/2006		01	1,0	Một	C26KT	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006		01	1,0	Một	C26KT	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006		01	0,5	Không, năm	C26KT	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quyên	24/12/2006		01	7,0	Bảy	C26KT	
17	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006		01	9,0	Chín	C26KT	
18	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006		01	7,0	Bảy	C26KT	
19	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006		01	9,0	Chín	C26KT	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006		01	8,0	Tám	C26KT	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006		01	6,5	Sáu, năm	C26KT	
22	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003		01	1,0	Một	C26KT	
23	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006		01	8,0	Tám	C26KT	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004		01	5,5	Năm, năm	C26KT	
25	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006		01	4,0	Bốn	C26KT	
26	2410110003	Lê Duy	Trinh	24/7/2005		01	7,0	Bảy	C26KT	
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006		01	6,0	Sáu	C26KT	
28	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006		01	6,0	Sáu	C26KT	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006		01	5,0	Năm	C26KT	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
30	2410110013	Võ Triều Vi	06/10/2004		01	4	Ban	C26KT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 1 Số bài thi/Số tờ: 29 / 29
Số sinh viên đạt: 26 Tỷ lệ đạt: 89,6%

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phú Hoa

Ngày 15 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Văn Long

TRƯỞNG C
PHÒNG C
VÀ BẢO Đ